

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2025

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đạt Thông
- Ông Dương Thanh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Quí, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đặng Thành T, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1984, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng Thành T trình bày:

Vào năm 2002, anh và vợ tên Nguyễn Thị Mỹ X do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ, huyện D năm 2002. Sau khi cưới nhau vợ chồng về sinh sống tại ấp Đ, Đ cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đặng

Như H, sinh ngày 24/4/2003 và Đặng Tuấn P, sinh ngày 07/6/2006. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc hàng ngày. Mặc dù đã nhờ cha mẹ 02 bên khuyên can nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ X.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Đặng Như H, sinh ngày 24/4/2003 và Đặng Tuấn P, sinh ngày 07/6/2006 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18/4/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của anh T về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, về con, tài sản và nợ chung. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị đồng ý ly hôn với anh Đặng Thành T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Đặng Như H, sinh ngày 24/4/2003 và Đặng Tuấn P, sinh ngày 07/6/2006 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị X vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh T giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị X giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung gì thêm.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đặng Thành T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ X; về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc anh Đặng Thành T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất:

- *Về hôn nhân:* Anh Đặng Thành T và chị Nguyễn Thị Mỹ X thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung nhưng đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh T khởi kiện chị X yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con, tài sản và nợ chung. Chị X không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn chị X có đăng ký thường trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T có mặt; bị đơn chị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Thành T:

[3.1] Về hôn nhân: Anh T và chị X xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2002. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh T và chị X đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của anh T và chị X là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh T và chị X đều khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc hàng ngày. Mặc dù đã nhờ cha mẹ 02 bên khuyên can nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa anh T và chị X chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; đáng lẽ khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt, không có biện pháp hàn gắn, không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện và cho anh chị có thêm thời gian để hàn gắn lại, tuy nhiên anh chị đều kiên quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị X ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh T và chị X chung sống với nhau có 02 con chung tên Đặng Như H, sinh ngày 24/4/2003 và Đặng Tuấn P, sinh ngày 07/6/2006; các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Anh Đặng Thành T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ X.

2. *Về con chung, tài sản và nợ chung*: Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. *Về án phí*: Buộc anh Đặng Thành T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp theo biên lai số 0014690 ngày 16 tháng 4 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải thu. Anh T không phải nộp thêm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quảng Thanh Trung